

Số: /KH-SYT

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu ngành Y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018;

Luật Giao dịch điện tử ngày 22/6/2023;

Luật Dữ liệu ngày 30/11/2024;

Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26/6/2025;

Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Gia Lai đến năm 2030;

Sở Y tế ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu ngành Y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030, như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ về tạo lập, số hóa, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, khai thác và bảo đảm an toàn dữ liệu y tế trong toàn ngành Y tế tỉnh Gia Lai; đưa dữ liệu trở thành nền tảng phục vụ quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành, khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng, quản lý dược, an toàn thực phẩm, dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Hình thành, hoàn thiện và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế, trọng tâm là: dữ liệu khám chữa bệnh, bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử, dữ liệu y tế dự phòng, dữ liệu dược, trang thiết bị y tế, an toàn thực phẩm, bảo trợ xã hội, dân số và các dữ liệu liên quan đến chăm sóc sức khỏe người dân.

2. Yêu cầu

Việc triển khai phải bám sát Chiến lược dữ liệu tỉnh Gia Lai đến năm 2030; bảo đảm dữ liệu y tế “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; tuân thủ quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo mật thông tin sức khỏe của người dân.

Các đơn vị trong ngành Y tế phải xác định dữ liệu là tài sản quan trọng của đơn vị; việc tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa và chia sẻ dữ liệu là nhiệm vụ thường xuyên, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, ngành Y tế tỉnh Gia Lai hình thành hệ sinh thái dữ liệu y tế đồng bộ, liên thông, an toàn, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống dịch bệnh và chuyển đổi số y tế; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, các cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống chuyên ngành của Bộ Y tế theo quy định.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2026 - 2027

- 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh duy trì, vận hành hiệu quả bệnh án điện tử (EMR), hệ thống HIS, LIS, PACS và các hệ thống thông tin y tế có liên quan.

- Từng bước chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu khám chữa bệnh, dữ liệu bệnh án điện tử, dữ liệu xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, đơn thuốc, giấy chuyển tuyến, giấy hẹn khám lại, kết quả khám sức khỏe và các dữ liệu chuyên môn khác.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu y tế với các nền tảng dùng chung của tỉnh, nền tảng điều phối dữ liệu, Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống của Bộ Y tế theo hướng dẫn.

- Triển khai rà soát, chuẩn hóa dữ liệu phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu y tế về khám chữa bệnh, Cơ sở dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử và Cơ sở dữ liệu y tế dự phòng theo lộ trình của tỉnh.

- Từng bước xây dựng và hình thành Kho dữ liệu y tế dùng chung của ngành Y tế tỉnh Gia Lai trên cơ sở tích hợp, chuẩn hóa và đồng bộ dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế hiện có phục vụ quản lý, chỉ đạo điều hành, báo cáo thông minh (BI), phân tích dữ liệu và kết nối, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- 100% hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu y tế quan trọng được rà soát, đề xuất phê duyệt cấp độ an toàn thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

b) Giai đoạn 2028 - 2030

- Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu y tế về khám chữa bệnh, bảo đảm dữ liệu khám chữa bệnh được thu thập, lưu trữ, chuẩn hóa, liên thông giữa các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh và cơ sở dữ liệu y tế quốc gia.

- Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu Hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân trên địa bàn tỉnh, bảo đảm cập nhật thông tin sức khỏe suốt vòng đời, liên thông với các

hệ thống khám chữa bệnh và cơ sở dữ liệu y tế quốc gia.

- Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu y tế dự phòng, kết nối dữ liệu giám sát dịch tễ từ tuyến cơ sở đến tuyến tỉnh và Trung ương; từng bước ứng dụng phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo để cảnh báo sớm nguy cơ dịch bệnh.

- Hoàn thiện và đưa vào khai thác hiệu quả Kho dữ liệu y tế dùng chung của ngành Y tế tỉnh Gia Lai phục vụ phân tích, dự báo, báo cáo thông minh (BI), ứng dụng AI, chỉ đạo điều hành, kết nối IOC tỉnh và hoạch định chính sách y tế.

- Phát triển Kho dữ liệu chuyên đề y tế - an sinh xã hội, tích hợp dữ liệu liên quan đến người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật và các đối tượng bảo trợ xã hội phục vụ phân tích, dự báo, báo cáo thông minh, chỉ đạo điều hành và hoạch định chính sách y tế - an sinh xã hội.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện quản trị dữ liệu y tế

- Rà soát, ban hành hoặc tham mưu ban hành các quy định, quy chế nội bộ về quản lý, cập nhật, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu y tế trong phạm vi ngành Y tế.

- Phân công rõ trách nhiệm quản trị dữ liệu tại Sở Y tế, các chi cục, bệnh viện, trung tâm y tế, trung tâm tuyến tỉnh và các cơ sở trực thuộc. Mỗi đơn vị phải xác định đầu mối phụ trách dữ liệu và an toàn thông tin.

- Xây dựng danh mục dữ liệu chuyên ngành y tế thuộc phạm vi quản lý của ngành, gồm: dữ liệu khám chữa bệnh; bệnh án điện tử; hồ sơ sức khỏe điện tử; y tế dự phòng; bảo trợ xã hội; dân số; an toàn thực phẩm; dược, mỹ phẩm; trang thiết bị y tế; nhân lực y tế; tài chính, tài sản, đầu thầu, mua sắm; phản ánh, kiến nghị và dịch vụ công y tế.

2. Tạo lập, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu y tế

- Tổ chức rà soát hiện trạng dữ liệu tại các hệ thống HIS, LIS, PACS, EMR, phần mềm quản lý tiêm chủng, bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, bảo trợ xã hội, dân số, an toàn thực phẩm, dược, trang thiết bị y tế và các phần mềm chuyên ngành khác.

- Chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu, mã định danh, mã cơ sở khám chữa bệnh, mã nhân viên y tế, mã dịch vụ kỹ thuật, mã thuốc, mã vật tư y tế, mã trang thiết bị, thông tin hành chính người bệnh và các trường dữ liệu bắt buộc theo hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh và Công an tỉnh.

- Thực hiện làm sạch dữ liệu trùng lặp, thiếu thông tin, sai định dạng; cập nhật dữ liệu thường xuyên, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”.

3. Phát triển Cơ sở dữ liệu y tế về khám chữa bệnh

- Xây dựng và phát triển hệ sinh thái y tế số tỉnh Gia Lai hiện đại, đồng bộ, thông minh; bảo đảm dữ liệu khám chữa bệnh được thu thập, lưu trữ, chuẩn hóa và liên thông giữa các cơ sở y tế trong toàn tỉnh.

- Tập trung chuẩn hóa và tích hợp các nhóm dữ liệu: thông tin khám bệnh, bệnh án điện tử, chẩn đoán hình ảnh PACS, xét nghiệm LIS, dữ liệu lâm sàng, đơn thuốc, giấy chuyển tuyến, giấy hẹn khám lại, kết quả khám sức khỏe, dữ liệu dược phẩm và trang thiết bị y tế.

- Từng bước khai thác dữ liệu để phục vụ quản lý chất lượng bệnh viện, quản lý mô hình bệnh tật, giám sát sử dụng thuốc, vật tư y tế, kiểm soát chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế và nâng cao chất lượng phục vụ người bệnh.

- Triển khai, kết nối và khai thác dữ liệu từ các hệ thống tư vấn, hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh từ xa theo hướng dẫn của Bộ Y tế; từng bước tích hợp dữ liệu khám chữa bệnh từ xa phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, hội chẩn chuyên môn và chăm sóc sức khỏe người dân trên môi trường số.

4. Chuẩn hóa, cập nhật và liên thông dữ liệu Hồ sơ sức khỏe điện tử; phối hợp triển khai dữ liệu phục vụ Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID

- Triển khai cập nhật, quản lý và khai thác hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân trên địa bàn tỉnh; bảo đảm liên thông giữa dữ liệu khám chữa bệnh, y tế dự phòng, tiêm chủng, quản lý bệnh không lây nhiễm, chăm sóc sức khỏe ban đầu và các dữ liệu sức khỏe khác.

- Phối hợp UBND các xã, phường, trạm y tế và tổ công nghệ số cộng đồng trong việc rà soát, cập nhật, xác thực thông tin hành chính, thông tin sức khỏe cơ bản của người dân.

- Khai thác hồ sơ sức khỏe điện tử phục vụ chăm sóc sức khỏe liên tục, quản lý người cao tuổi, người mắc bệnh không lây nhiễm, phụ nữ mang thai, trẻ em, người khuyết tật và các nhóm đối tượng cần theo dõi sức khỏe thường xuyên.

- Phối hợp triển khai, đồng bộ dữ liệu phục vụ Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Công an và Bảo hiểm xã hội Việt Nam, đảm bảo đúng theo tinh thần chỉ đạo của Đề án 06; duy trì, bảo đảm liên thông dữ liệu khám chữa bệnh, dữ liệu khám sức khỏe, đơn thuốc điện tử và các dữ liệu y tế liên quan phục vụ người dân tra cứu, theo dõi thông tin sức khỏe trên môi trường số.

5. Phát triển Cơ sở dữ liệu y tế dự phòng

- Xây dựng, hoàn thiện dữ liệu y tế dự phòng, bảo đảm kết nối, liên thông dữ liệu giám sát dịch tễ từ tuyến cơ sở đến tuyến tỉnh và Trung ương.

- Tích hợp dữ liệu liên quan đến bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, tiêm chủng, bảo trợ xã hội, dân số, an toàn thực phẩm, truyền thông giáo dục sức khỏe, môi trường, thời tiết, di biến động dân cư và các nguồn dữ liệu liên quan.

- Từng bước ứng dụng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo để giám sát, phát hiện sớm nguy cơ bùng phát dịch bệnh, phát hành cảnh báo sớm và hỗ trợ công tác chỉ đạo điều hành trong phòng, chống dịch bệnh.

6. Kết nối, chia sẻ dữ liệu với nền tảng dùng chung của tỉnh và Trung ương

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan kết nối dữ liệu y tế với Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của tỉnh, Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, IOC tỉnh và các nền tảng dữ liệu quốc gia.

- Thực hiện chia sẻ dữ liệu theo nguyên tắc đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng phạm vi, bảo đảm bảo mật thông tin sức khỏe và dữ liệu cá nhân.

- Ưu tiên chia sẻ các nhóm dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành, báo cáo thông minh, dịch vụ công trực tuyến, cải cách hành chính, phòng chống dịch bệnh, an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

7. Ứng dụng dữ liệu, AI, BI trong quản lý, điều hành ngành Y tế

- Xây dựng hệ thống báo cáo, dashboard, chỉ số điều hành ngành Y tế phục vụ Lãnh đạo Sở Y tế và UBND tỉnh, ưu tiên các nhóm chỉ số về khám chữa bệnh, bệnh án điện tử, dịch bệnh, tiêm chủng, an toàn thực phẩm, dược, trang thiết bị y tế, nhân lực y tế, tài chính y tế và cải cách hành chính.

- Thí điểm AI hỗ trợ tổng hợp báo cáo, phân tích số liệu, cảnh báo bất thường, phát hiện nguy cơ dịch bệnh, hỗ trợ tra cứu văn bản chuyên ngành, hỗ trợ kiểm tra hồ sơ hành chính và hồ sơ chuyên môn.

- Từng bước chuyển từ báo cáo thủ công sang báo cáo điện tử, báo cáo thông minh trên cơ sở dữ liệu thời gian thực hoặc định kỳ.

8. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân

- rà soát, phân loại hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu y tế; lập hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thuộc phạm vi quản lý.

- Triển khai phương án bảo vệ an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp; thực hiện sao lưu, dự phòng, kiểm soát truy cập, nhật ký hệ thống, mã hóa dữ liệu nhạy cảm và quy trình khôi phục khi có sự cố.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ việc tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo mật thông tin người bệnh, an toàn thông tin mạng tại các đơn vị trực thuộc.

- Không chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu sức khỏe cá nhân ngoài phạm vi cho phép; mọi hoạt động khai thác dữ liệu phải bảo đảm đúng quy định pháp luật và quy chế của cơ quan có thẩm quyền.

9. Đào tạo, nâng cao năng lực dữ liệu cho công chức, viên chức ngành Y tế

- Phối hợp tổ chức, tham gia tập huấn về quản trị dữ liệu, chuẩn hóa dữ liệu, khai thác dữ liệu, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng báo cáo thông minh và ứng dụng AI trong công việc.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ đầu mối về dữ liệu và an toàn thông tin tại Sở Y tế, các chi cục, bệnh viện, trung tâm y tế và đơn vị trực thuộc.

- Đưa kết quả cập nhật, chuẩn hóa, bảo đảm chất lượng dữ liệu vào nội dung đánh giá chuyển đổi số, cải cách hành chính và thi đua hằng năm của các đơn vị.

V. DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
1	Rà soát hiện trạng hệ thống dữ liệu y tế toàn ngành	Sở Y tế	Các đơn vị trực thuộc	Báo cáo hiện trạng dữ liệu y tế	2026
2	Xây dựng danh mục dữ liệu chuyên ngành y tế	Sở Y tế	Sở KH&CN, Công an tỉnh, Các đơn vị	Danh mục dữ liệu y tế	2026
3	Chuẩn hóa dữ liệu HIS, LIS, PACS, EMR và các hệ thống hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa	Các cơ sở KCB	Sở Y tế	Dữ liệu khám chữa bệnh và dữ liệu hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa được chuẩn hóa, kết nối và chia sẻ	2026-2027 (KCB từ xa thực hiện theo lộ trình quy định của BHYT)
4	Phát triển CSDL y tế về khám chữa bệnh	Sở Y tế	Sở KH&CN, UBND xã/phường, cơ sở KCB	CSDL khám chữa bệnh	2026-2028
5	Chuẩn hóa, cập nhật và liên thông dữ liệu Hồ sơ sức khỏe điện tử; phối hợp triển khai dữ liệu phục vụ Sở sức khỏe điện tử trên VNeID	Sở Y tế	UBND xã/phường, Trạm Y tế, cơ sở KCB	CSDL Hồ sơ sức khỏe điện tử được chuẩn hóa, cập nhật; dữ liệu phục vụ Sở sức khỏe điện tử trên VNeID	2026-2028
6	Phát triển CSDL y tế dự phòng	Sở Y tế	UBND xã/phường, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Chi cục liên quan	CSDL y tế dự phòng	2026-2028
7	Xây dựng và vận hành Kho dữ liệu y tế dùng chung ngành Y tế tỉnh Gia Lai	Sở Y tế	Sở KH&CN, Công an tỉnh, các cơ sở y tế	Kho dữ liệu y tế dùng chung tích hợp dữ liệu khám chữa bệnh, y tế dự phòng, dân số, bảo trợ xã hội và các	2026-2028

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
				dữ liệu chuyên ngành liên quan	
8	Kết nối dữ liệu y tế với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, LDOP, IOC	Sở Y tế	Sở KH&CN, Công an tỉnh	Dữ liệu y tế được kết nối, chia sẻ	2026-2030
9	Xây dựng dashboard điều hành ngành Y tế	Sở Y tế	Các đơn vị trực thuộc	Hệ thống chỉ số, báo cáo thông minh	2026-2027
10	Thí điểm AI trong phân tích, cảnh báo và tổng hợp dữ liệu y tế	Sở Y tế	Sở KH&CN, đơn vị thí điểm	Mô hình AI thí điểm	2027-2030
11	Rà soát, phê duyệt cấp độ ATTT các hệ thống dữ liệu y tế	Sở Y tế, các đơn vị	Công an tỉnh, Sở KH&CN	Hồ sơ cấp độ ATTT	Thường xuyên
12	Đào tạo kỹ năng dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân	Sở Y tế	Công an tỉnh, Sở KH&CN, Các đơn vị trực thuộc	Lớp tập huấn, tài liệu hướng dẫn	Hàng năm
13	Báo cáo kết quả triển khai Chiến lược dữ liệu ngành Y tế	Sở Y tế	Các đơn vị trực thuộc	Báo cáo quý, 6 tháng, năm	Định kỳ

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn kinh phí chuyển đổi số, cải cách hành chính, khoa học và công nghệ, y tế; nguồn kinh phí của các đơn vị; nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

- Các đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động lập dự toán kinh phí hằng năm, gửi Sở Y tế tổng hợp, phối hợp Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí theo quy định.

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, gửi về Sở Y tế để tổng hợp.

- Thời hạn gửi báo cáo định kỳ: báo cáo quý gửi trước ngày 10 tháng cuối quý; báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 10/6; báo cáo năm gửi trước ngày 05/12 hằng năm.

- Văn phòng Sở Y tế chủ trì tổng hợp, tham mưu Sở Y tế báo cáo UBND tỉnh, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở Y tế

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả triển khai Kế hoạch; phối hợp các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc tham mưu báo cáo UBND tỉnh, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ theo yêu cầu.

- Tham mưu lồng ghép nhiệm vụ dữ liệu với công tác chuyển đổi số, cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và vận hành dịch vụ công trực tuyến của Sở Y tế.

2. Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế

- Chủ trì tham mưu nội dung liên quan đến dữ liệu khám chữa bệnh, bệnh án điện tử, chất lượng bệnh viện, chuyên tuyến, khám sức khỏe (định kỳ, lái xe), dữ liệu chuyên môn lâm sàng và các hệ thống thông tin phục vụ khám chữa bệnh.

- Phối hợp các cơ sở khám chữa bệnh chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu HIS, LIS, PACS, EMR và các dữ liệu chuyên môn khác.

3. Phòng Nghiệp vụ Dược, Sở Y tế

Chủ trì tham mưu chuẩn hóa dữ liệu về dược, mỹ phẩm, thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị y tế, đầu thầu, mua sắm, cung ứng, sử dụng thuốc và các dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý.

4. Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế

Phối hợp tham mưu dữ liệu về nhân lực y tế, vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, thi đua khen thưởng, kỷ luật và các dữ liệu chuyên ngành liên quan phục vụ công tác quản lý nhà nước của ngành Y tế theo quy định.

5. Phòng Bảo trợ xã hội và Trẻ em, Sở Y tế

- Phối hợp tham mưu triển khai các nhiệm vụ liên quan đến dữ liệu bảo trợ xã hội, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi và các đối tượng yếu thế thuộc phạm vi quản lý của ngành Y tế; phối hợp rà soát, chuẩn hóa, cập nhật, chia sẻ và khai thác dữ liệu phục vụ kết nối, tích hợp với Kho dữ liệu chuyên ngành y tế dùng chung của tỉnh và các hệ thống dữ liệu liên quan.

- Phối hợp khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành, xây dựng chính sách an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh.

6. Các chi cục, trung tâm tuyến tỉnh và đơn vị bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Y tế

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động rà soát, chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu chuyên ngành; phối hợp kết nối, chia sẻ dữ liệu với Sở Y tế và nền tảng dùng chung của tỉnh.

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh chủ trì tham mưu dữ liệu y tế dự phòng, giám sát dịch bệnh, tiêm chủng, bệnh không lây nhiễm, truyền thông giáo dục sức khỏe và các dữ liệu liên quan đến phòng, chống dịch bệnh.

- Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm chủ trì chuẩn hóa dữ liệu về cơ sở thực phẩm, ngộ độc thực phẩm, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và cảnh báo nguy cơ an toàn thực phẩm.

- Chi cục Dân số chủ trì chuẩn hóa dữ liệu dân số, sức khỏe sinh sản, sàng lọc, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và các dữ liệu dân số - y tế liên quan.

- Các đơn vị bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Y tế, gồm: Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp Pleiku, Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội An Nhơn, Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn chủ động rà soát, cập nhật, chuẩn hóa và chia sẻ dữ liệu liên quan đến đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật, người tâm thần, trẻ em và các nhóm đối tượng yếu thế phục vụ công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe và kết nối với Kho dữ liệu chuyên ngành y tế dùng chung của tỉnh.

7. Các bệnh viện, trung tâm y tế trực thuộc Sở Y tế

- Tổ chức triển khai nhiệm vụ dữ liệu tại đơn vị; duy trì, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu phát sinh từ hoạt động chuyên môn, quản lý, tài chính, nhân lực, tài sản, thuốc, vật tư y tế và trang thiết bị.

- Bảo đảm vận hành ổn định hệ thống thông tin y tế; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu theo hướng dẫn của Sở Y tế và cơ quan có thẩm quyền.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, an toàn và bảo mật của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

8. Đề nghị UBND các xã, phường

- Phối hợp với Sở Y tế, các cơ sở y tế và các đơn vị liên quan trong việc triển khai các nhiệm vụ về tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu y tế trên địa bàn quản lý.

- Chỉ đạo Trạm Y tế xã, phường phối hợp với tổ công nghệ số cộng đồng và các cơ quan liên quan triển khai cập nhật, xác thực dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử, dữ liệu y tế dự phòng, dữ liệu dân số - sức khỏe và các dữ liệu phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân theo hướng dẫn chuyên môn của Sở Y tế.

- Phối hợp tuyên truyền, hỗ trợ người dân khai thác, sử dụng hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID, các tiện ích y tế số và các nền tảng số trong lĩnh vực y tế.

- Phối hợp bảo đảm điều kiện hạ tầng, kết nối mạng và các điều kiện cần thiết phục vụ triển khai các nhiệm vụ về dữ liệu và chuyển đổi số y tế tại tuyến y tế cơ sở.

9. Đề nghị các bệnh viện Trung ương, cơ sở y tế thuộc bộ, ngành đóng trên địa bàn tỉnh

- Phối hợp với Sở Y tế trong việc kết nối, chia sẻ, đồng bộ và khai thác dữ liệu y tế theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Khuyến khích tham gia kết nối dữ liệu khám chữa bệnh, dữ liệu bệnh án điện tử, dữ liệu phục vụ phòng chống dịch bệnh, hồ sơ sức khỏe điện tử và các dữ liệu chuyên ngành khác nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành và chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh.

10. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh

- Chủ động phối hợp triển khai các nhiệm vụ liên quan đến chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu y tế theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Tham gia kết nối dữ liệu khám chữa bệnh, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử, dữ liệu phục vụ quản lý chuyên ngành và các nền tảng dữ liệu dùng chung của tỉnh theo lộ trình triển khai của ngành Y tế.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và hiệu quả quản trị cơ sở y tế.

11. Đối với doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị cung cấp giải pháp số

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ sở y tế trong việc triển khai hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin y tế, giải pháp tích hợp, chia sẻ dữ liệu, an toàn thông tin mạng và các nền tảng phục vụ chuyển đổi số y tế.

- Tham gia nghiên cứu, đề xuất, triển khai các giải pháp dữ liệu, AI, BI, IoT, hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, Kho dữ liệu y tế dùng chung và các mô hình y tế số phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Gia Lai.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu ngành Y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030. Sở Y tế đề nghị các Phòng của Sở, các đơn vị trực thuộc Sở và các cơ quan, đơn vị có liên quan cùng phối hợp thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo về Sở Y tế (qua Văn phòng Sở) để tổng hợp báo cáo Giám đốc Sở kịp thời chỉ đạo, thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Các phòng, VP Sở;
- Các cơ sở KCB TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Các cơ sở KCB tư nhân trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, TCCB, VP.

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Hùng

